

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH NINH BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2018/HS-PT

Ngày 13 - 3 - 2018

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Mai Xuân Thành.

Các Thẩm phán:

Ông Tô Văn Thịnh

Bà Nguyễn Thị Thắm

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Phượng – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Đình Kỷ - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 3 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Ninh Bình xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số: 01/2018/TLPT-HS ngày 03 tháng 01 năm 2018 đối với các bị cáo Vũ Đức M1, Nguyễn Thị Trà M2, Phạm Thị T do có kháng cáo của các bị cáo Vũ Đức M1, Nguyễn Thị Trà M2, Phạm Thị T đối với Bản án hình sự sơ thẩm số: 31/2017/HS-ST ngày 01 tháng 12 năm 2017 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Ninh Bình.

- Các bị cáo có kháng cáo:

1. Vũ Đức M1, sinh năm 1975 tại huyện N, tỉnh Ninh Bình; Nơi cư trú thôn K, xã Q, thành phố T, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hoá 10/12; dân tộc Kinh; giới tính Nam; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Vũ Mạnh H và bà Lã Thị T; có vợ Bùi Thị T (đã ly hôn năm 2012) và có 02 con, con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2004; không có tiền án, tiền sự; bị tạm giữ từ ngày 22/3/2017 đến ngày 25/3/2017 chuyển tạm giam đến nay. (có mặt)

2. Nguyễn Thị Trà M2, sinh năm 1987 tại huyện N, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú thôn T, xã L, huyện N, tỉnh Thanh Hóa; nghề nghiệp lao động tự do; trình độ văn hoá 12/12; dân tộc Kinh; giới tính Nữ; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị H; có chồng Lê Đình H (đã ly hôn) và có 01 con

sinh năm 2012; không có tiền án, tiền sự; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. (có mặt).

3. Phạm Thị T, sinh năm 1963 tại thành phố T, tỉnh Ninh Bình; Nơi cư trú thôn T, xã Q, thành phố T, tỉnh Ninh Bình; nghề nghiệp đại lý xổ số; trình độ văn hoá 7/10; dân tộc Kinh; giới tính Nữ; tôn giáo không; quốc tịch Việt Nam; con ông Phạm Văn B và bà Lê Thị N; có chồng Phạm Văn C và có 03 con, lớn nhất sinh năm 1984, nhỏ nhất sinh năm 1993; không có tiền án, tiền sự; bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú” (có mặt).

- Ngoài ra trong vụ án còn có 4 bị cáo khác không có kháng cáo và không bị kháng cáo, không bị kháng nghị.(Vắng mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo Vũ Đức M theo yêu cầu của bị cáo:

Ông Lã Tân T - Luật sư văn phòng luật sư Phúc Thọ thuộc Đoàn luật sư thành phố Hà Nội. Địa chỉ Số 23 H, phường N, quận Đ, thành phố Hà Nội. (Có mặt)

- Người bị hại: Chị Phạm Thị T, sinh năm 1963; Nơi cư trú thôn T, xã Q, thành phố T, tỉnh Ninh Bình (là bị cáo trong vụ án) (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Đào Khả O và Nguyễn Thị Trà M2 là bạn bè thân thiết với nhau. Sau khi tìm hiểu trên mạng Internet theo yêu cầu của O, M2 đã mua và đưa cho O một hộp bút gồm 10 chiếc loại bút khi viết ra giấy, dùng nhiệt hơi nóng là bay hết mực. Thấy việc tẩy xóa số dễ dàng nên O đã nảy sinh ý định dùng loại bút này để viết sẵn số lô, số đề ra tờ giấy để mua, thông qua việc mua số lô, số đề thực hiện việc tẩy xóa số không trúng và ghi số trúng lên tờ giấy để lấy tiền của người bán số lô, số đề.

Ngày 26/6/2017 tại quán cà phê Suối, O đã nói cho Hà Thị L, Vũ Đức M1, Vì Văn V và Nguyễn Thị Trà M2 biết O có khả năng “làm kỹ thuật ” tẩy xóa số đề không trúng thành số trúng trên tờ giấy có ghi số lô, số đề và để lại được tờ giấy (bảng đề) do O ghi sẵn nhiều số lô, số đề cho người bán lô, đề giữ khi có kết quả mở thưởng thì đến lấy lại tờ giấy đưa cho O “làm kỹ thuật” để có số trúng. Khi nghe O nói Hà Thị L và Vũ Đức M đã gọi điện thoại cho Đào Thị Diệu T đến quán cà phê Suối. Tại đây L đã nói rõ cho T biết việc O có khả năng “làm kỹ thuật” biến số không trúng thành số trúng, O đã hướng dẫn cho T cách lấy lại được bảng lô, đề. Để T hiểu rõ hơn và biết cách thực hiện, M1 và O đã cùng nhau đóng vai làm người đi mua lô, đề để diễn tả cho T và cả nhóm biết. Sau khi O, M1 diễn tả cho T xem thì M1 nói với T:

“Việc này thì cô làm được”, T nói để T về xem thế nào, có gì thông báo sau. Khi nói về số tiền dùng vào việc mua lô, đề cả nhóm thống nhất ghi từ 7 triệu đồng đến 10 triệu đồng, L nói với cả nhóm tiền mua lô, đề để L lo, xong việc trả lại L sau.

Sau khi tìm được điểm mua lô, đề tại nhà người quen là Phạm Thị T làm đại lý xổ số, khoảng 22 giờ ngày 27/6/2016, Đào Thị Diệu T đã gọi điện thoại báo cho Đào Khả O biết để ra thành phố T cùng thực hiện.

Vào khoảng 13 giờ, ngày 28/6/2016, L, O, M2 và V gặp nhau tại quán cà phê Suối để tìm địa điểm mua lô, đề nhưng chưa tìm được địa điểm nào. Do vậy O và M2 đã ra về trước, trên đường về, O đã điện thoại báo cho T biết là O sẽ ra thành phố T để cùng Thái thực hiện việc mua lô, đề làm số trúng trên tờ giấy mua lô, đề thì T đồng ý. T bảo O điện thoại báo cho L biết để cùng tham gia.

Khoảng 14 giờ, ngày 28/6/2016 Đào Khả O đã chuẩn bị sẵn 4 chiếc bút (loại bút khi viết ra giấy dùng nhiệt hơi nóng lên là bay hết mực), giấy kẻ ô ly và 01 chiếc bút chữ A rồi đi ô tô do O thuê tự lái chở M2 ra thành phố T để gặp T. Trên đường đi O đã điện thoại báo cho L và M1 biết. L đã hẹn với O sẽ ra sau và nói cho O biết sẽ đưa tiền cho V cầm ra trước để cùng thực hiện. Tại quán cà phê Suối, L đã đưa cho V số tiền 5.000.000 đồng và bảo V mang ra thành phố T đưa cho O và T để thực hiện việc mua lô, đề và làm số không trúng thành số trúng mà cả nhóm đã thống nhất. V cầm số tiền rồi đi xe mô tô nhãn hiệu SH màu trắng (không xác định được biển kiểm soát) của L đi ra thành phố T để gặp O và T.

Khi đến nhà của Đào Thị Diệu T tại thành phố T, O và T đã cùng nhau tính toán việc mua lô, đề và tẩy xóa làm trúng 01 số đề ba càng với mức đánh 300.000 đồng để lấy của chủ lô, đề số tiền 120.000.000 đồng. Sau đó O lấy 01 mảnh giấy kẻ ô ly ghi các số lô, đề để mua gồm: 10 số lô với số tiền 2.300.000 đồng; ghi 16 số đề ba càng với số tiền 3.460.000 đồng, trong đó số “136” ghi 300.000 đồng, được ghi bằng loại bút có mực màu đen khi dùng nhiệt hơi nóng lên làm bay hết mực và dự kiến đây là số sẽ thực hiện việc tẩy xóa nếu số này không trúng. Sau đó O đã sao chép lại các số lô, số đề trên ra mảnh giấy khác để đối chiếu với kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc. Khi O vừa làm xong mảnh giấy mua lô, đề thì V đến, sau đó khoảng 5 phút thì M1 đến và cùng nhau vào trong nhà T. Lúc này V hỏi O định làm số trúng là bao nhiêu, O đã trả lời V và M1 biết sẽ làm “kỹ thuật” để trúng 01 số đề ba càng đánh 300.000 đồng trên mảnh giấy ghi lô đề thì V, M1 đồng ý.

Sau khi trao đổi thống nhất, T, O, M2, V và M1 cùng nhau đến quán cà phê Khánh tại thành phố T gần nhà Phạm Thị T. Khi đến quán cà phê Khánh, M1 đã điện

thoại báo cho L biết để đến cùng tham gia. Tại quán cà phê Khánh, O đã hỏi V tiền đánh lô, đề thì V đã lấy số tiền 5.000.000 đồng của L đưa cho O. O thấy thiếu tiền đánh lô, đề nên đã bảo V đưa thêm 1.000.000 đồng của mình cho O và nói với V “thừa thiếu tính sau” thì V đồng ý và lấy 1.000.000 đồng của mình đưa cho O. O cầm số tiền 6.000.000 đồng lấy từ T và mảnh giấy kẻ ô ly có ghi sẵn số lô, số đề để mua đưa cho T. T bảo với O mua thêm đề hai số và sẽ ghi cùng trên mảnh giấy mua lô đề để người bán lô, đề không nghi ngờ, tiền T lo thì O đồng ý.

Trước khi vào nhà Phạm Thị T mua lô, đề O bảo T để máy điện thoại ở chế độ rung, im lặng khi đến mua số lô, số đề thì tỏ ra bận rộn rồi bảo người bán lô đề tính tổng tiền, ghi ngày tháng, ký tên lên mảnh giấy. Đồng thời O dặn M2 liên tục gọi điện thoại cho T để T lấy cớ đang có việc bận phải đi gấp, không cần lấy cắp lô đề và phải để lại được mảnh giấy cho chủ lô đề giữ. T và M2 đồng ý làm theo hướng dẫn của O. Sau khi đã bàn bạc cách thức thực hiện với T và M2, O hỏi cả nhóm đi phương tiện nào thì T nói lấy xe máy của M1 biển số 35 đăng ký ở tỉnh Ninh Bình đi để tránh việc người bán lô đề có nghi ngờ thì M1 đồng ý giao xe cho T và O đi.

Khoảng 17 giờ 15 phút ngày 28/6/2016 Đào Khả O đi xe mô tô của M1 biển kiểm soát 35B1- 59093 nhãn hiệu Wave RSX màu đỏ đen chở Đào Thị Diệu T đến nhà Phạm Thị T. Khi đi T và O có mang theo 01 mảnh giấy kẻ ô ly trên mảnh giấy có ghi sẵn số lô, số đề mua. Khi đến nhà Phạm Thị T, T là người trực tiếp giao dịch để mua lô đề của Phạm Thị T. Phạm Thị T đồng ý bán số lô, số đề cho T và O với tỷ lệ được thua: đề đánh 1.000 đồng nếu trúng được 70.000 đồng, lô đánh 01 điểm tương ứng với 23.000 đồng nếu trúng thưởng được 80.000 đồng, đề ba càng đánh 1.000 đồng nếu trúng thưởng được 400.000 đồng. Việc đo kết quả lô, đề dựa trên kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc mở thưởng ngày 28/6/2016. T và O đã mua của Phạm Thị T 10 số lô, 16 số đề ba càng theo các chữ số đã ghi sẵn trên mảnh giấy kẻ ô ly với số tiền 5.670.000 đồng, trong đó có số đề “136” mua 300.000 đồng rồi mua tiếp 10 số đề nữa với số tiền 2.000.000 đồng và bảo Phạm Thị T ghi 10 số đề vào mặt sau mảnh giấy ghi lô đề mà O và T mang đến. Tổng số tiền O và T dùng để mua số lô, số đề của Phạm Thị T là 7.760.000 đồng, Phạm Thị T đã trả cho T 10% chiết khấu tiền mua đề 2 số tương ứng với số tiền 200.000 đồng. Phạm Thị T nhận số tiền từ T đưa là 7.560.000 đồng. Trong quá trình T đến nhà Phạm Thị T để mua lô đề thì M2 liên tục gọi vào máy điện thoại của T. Khi Phạm Thị T định viết cắp lô đề đưa cho T thì T đã cầm điện thoại lên nghe tỏ ra bận rộn và bảo với Phạm Thị T là đang có việc bận nên không chờ lấy cắp được. T bảo Phạm Thị T cứ cầm lấy mảnh giấy ghi số lô, số đề đó

đến khi có kết quả xổ số mở thưởng sẽ đến đối chiếu rồi T cùng với O quay về quán cà phê Khánh ngồi uống nước cùng với V, M2 và M1. Khoảng 18 giờ O, T về đến quán cà phê Khánh thì Hà Thị L cũng vừa đến. L hỏi về việc ghi lô đề thì O, T đã thông báo cho L và cả nhóm biết tiền đánh lô đề hết gần 8.000.000 đồng. Cả nhóm tiếp tục ngồi uống nước để chờ kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc mở thưởng.

Khoảng 18 giờ 15 phút cùng ngày tại quán cà phê Khánh khi có kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc mở thưởng O lấy ra tờ giấy đã sao chép lại số lô, số đề đã mua đối chiếu với kết quả xổ số kiến thiết miền Bắc báo qua tin nhắn trên điện thoại, trúng số nào thì O dùng bút khoanh tròn vào số trúng. Sau khi đối chiếu, O biết trúng ba số lô gồm 75, 57, 30 trong đó số lô 75 trúng hai lần (trúng hai nháy). Tổng số điểm trúng là 40 điểm và giải đặc biệt có ba số cuối là “224”. O lấy bút gạch trên giấy số đề “136” và viết bên cạnh phía bên trái số “224” rồi thông báo cho T, M2, L, M1 và V biết: “Chỉ trúng mấy con lô, không trúng thêm gì khác, giải đặc biệt về “224”. Trong lúc cả nhóm ngồi với nhau trong quán thì O đã phân công và dặn T, M2 với nội dung: “khi O và T vào nhà bà Phạm Thị T để O thực hiện việc tẩy xóa số đề ghi số trúng vào thì M2 phải liên tục điện thoại cho T, khi T lấy lại mảnh giấy từ Phạm Thị T thì bấm nghe điện thoại của M2 nói chuyện liên tục để tạo ra có kéo dài thời gian, thu hút sự chú ý của Phạm Thị T về phía T đồng thời đưa mảnh giấy về phía sau để tạo điều kiện cho O lấy được mảnh giấy đã mua lô đề mang đi “làm kỹ thuật” để có số trúng. Thời điểm O đưa lại cho T mảnh giấy thì T phải hiểu là O đã tẩy xóa số xong và đã có số trúng nên phải nói trên điện thoại với M2 là bận rồi ngắt cuộc gọi. Lúc này M2 phải hiểu O đã làm xong việc tẩy xóa và đã có số trúng trên bảng lô đề sau đó phải gọi điện thoại lại ngay cho T với nội dung M2 là người nhờ T mua lô, đề và khẳng định trúng số ba càng “224” với số tiền 300.000 đồng và mấy số lô và giục lấy tiền trúng. O dặn T lúc này phải mở loa ngoài điện thoại để Phạm Thị T nghe thấy M2 nói trên điện thoại. Sau đó O đưa cho M2 mảnh giấy ô ly O đã sao lại và dặn M2 “Nếu Phạm Thị T không tin thì đọc lại toàn bộ các con số theo thứ tự từ trên xuống dưới, từ trái qua phải đến số “136” thì nhớ đọc thành số “224” mà Oanh đã ghi bên cạnh để Phạm Thị T tin tưởng việc trúng số “224” là có thật. Sau khi O trao đổi thì T, M nhất trí thực hiện theo lời dặn của O.

Sau đó O đi xe mô tô của M1 chở T đến nhà Phạm Thị T. Khi đến Phạm Thị T nói với T “Cháu chỉ trúng có 40 điểm lô thôi” và định trả tiền trúng lô cho T là 3.200.000 đồng nhưng T bảo Phạm Thị T đưa mảnh giấy mà T đã đưa cho Phạm Thị T lúc chiều để T kiểm tra. Khi T cầm được mảnh giấy ô ly do Phạm Thị T đưa thì

ngay lúc đó T lấy điện thoại ra nghe cuộc gọi sắp đặt từ trước với M2 và cầm mảnh giấy đưa về phía sau lưng để khuất tầm nhìn của Phạm Thị T. O lấy mảnh giấy ghi trên tay T và đưa cho T một mảnh giấy ô ly khác để T cầm với mục đích để Phạm Thị T nghĩ mảnh giấy vẫn trên tay T và không có nghi ngờ gì. O đã cầm mảnh giấy kẻ ô ly có ghi các số lô, số đề đi vào trong nhà vệ sinh của gia đình bà Phạm Thị T rồi dùng điều thuốc lá đang hút dở hơ lên mặt chữ số “136” làm cho mực bay đi rồi dùng 01 chiếc bút bi chữ A mực màu đen mang sẵn ghi số “224” đè lên vị trí số “136” rồi dùng mảnh giấy kẻ ô ly này ra đưa cho T và bảo T kiểm tra lại xem có trúng con đề nào không. T hiểu ngay là O đã làm được số trúng trên mảnh giấy mua lô đề nên đã nói chuyện trên điện thoại với M2 “Chị đang bận, chị gọi lại sau” rồi ngắt cuộc gọi. Lúc này M2 hiểu O đã làm xong việc tẩy xóa số và ghi số trúng lên bảng lô đề nên đã điện thoại lại luôn cho T. T bấm điện thoại nghe và mở loa ngoài với mục đích để bà Phạm Thị T nghe được. M2 đã nói trên điện thoại với nội dung: “M2 nhờ T mua lô đề, trúng mấy con lô và khẳng định trúng đề ba càng số 224 với số tiền mua 300.000 đồng và yêu cầu T lấy tiền trúng là 120.000.000 đồng”. T cầm mảnh giấy nói với Phạm Thị T “Trúng cả số ba càng đây mà” và chỉ vào số “224” trong mảnh giấy để Phạm Thị T xem. Lúc này Phạm Thị T xem lại thì thấy trên mảnh giấy đúng có ghi số đề “224” với số tiền 300.000 đồng. Sau đó M2 tiếp tục gọi điện thoại cho T, T bấm điện thoại và mở loa ngoài để nghe. My đã đọc các số lô, số đề trên mảnh giấy sao trùng khớp với các số lô, số đề trên mảnh giấy T đã để lại cho Phạm Thị T, trong đó có số “224” để Phạm Thị T tin việc T mua số “224” trúng là có thật rồi yêu cầu T mang ngay số tiền trúng về. Do nghĩ việc T trúng số đề “224” là có thật nên Phạm Thị T gọi điện cho con gái là Phạm Thị Ái L hỏi vay 50.000.000 đồng để trả trước cho T.

Trong lúc đợi Phạm Thị T vay tiền, O thấy Phạm Thị T có vẻ bồn chồn chân chừ, tại nhà Phạm Thị T còn có anh Phạm Văn T là con trai Phạm Thị T đang ở đó nên O nghĩ cần phải củng cố niềm tin cho Phạm Thị T và đề phòng bất trắc xảy ra nên một mình O đi xe mô tô về quán cà phê Khánh bảo M2, L, M1 và V cùng nhau di chuyển đến gần khu vực nhà Phạm Thị T. Sau đó O điều khiển xe ô tô chở L, M1, M2 còn V đi xe mô tô của M1 đi theo đường phía sau quán cà phê Khánh đến gần nhà Phạm Thị T với mục đích để hỗ trợ cho T lấy được tiền. Trên đường đi O trách M2 nói giọng quá nhẹ nhàng nên khó lấy tiền và bảo M2 phải nói cứng giọng hơn nữa. Lúc này L bảo với O để L nói chuyện trên điện thoại thay M2 để giục lấy tiền nhưng O không đồng ý vì sợ khác giọng dễ bị Phạm Thị T phát hiện. Khi đến đoạn đường cạnh khu tập thể của Công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên Vicem T cách nhà

Phạm Thị T khoảng 200 mét, O dừng xe lại rồi V lên ô tô. O bảo V giả làm chồng M2 nói chuyện qua điện thoại với T với nội dung: Vợ chồng nhiều lần đánh lô đề đã bị thua hôm nay nhờ T đánh trúng nên T phải lấy tiền về. Khi nghe O trao đổi thì V nhất trí làm đúng theo lời O dặn. Sau đó O đi xe mô tô của M1 quay lại nhà Phạm Thị T.

Thực hiện đúng như việc O đã sắp đặt, khoảng 5 phút sau M2 đã điện thoại cho T giục lấy tiền rồi nói với T “chị nói chuyện với chồng em này”, rồi đưa điện thoại của M2 cho V. V nói qua điện thoại với T “Vợ chồng tôi đã đánh bị thua nhiều rồi, yêu cầu phải trả tiền để giải quyết công việc”. T mở loa ngoài để Phạm Thị T nghe thấy nội dung V nói trên điện thoại. Cùng lúc đó chị Phạm Thị Ái L đến và đưa cho Phạm Thị T vay số tiền 50.000.000 đồng, Phạm Thị T lấy thêm số tiền 18.200.000 đồng là tiền cá nhân trả trước cho T tổng số tiền là 68.200.000 đồng trong đó có 3.200.000 đồng là trả tiền trúng lô và 65.000.000 đồng là tiền do T và đồng phạm dùng thủ đoạn và hành vi gian dối tẩy xóa số “136” và ghi số trúng “224” trên mảnh giấy mua lô đề. Trước khi nhận tiền của Phạm Thị T, T và M2 liên lạc qua điện thoại với nhau. T hỏi M2 “được nửa tiền có lấy không?” thì M2 che điện thoại rồi hỏi ý kiến L, M1, V đều gật đầu đồng ý nên M2 nói với T về việc cả nhóm đồng ý lấy nửa số tiền. Sau đó L, M1, V và M2 đi ra chân cầu Vượt gần quán cà phê Khánh đứng đợi. Lúc này tại nhà của mình Phạm Thị T đã đưa cho T số tiền 68.200.000 đồng và hẹn ngày mai (29/6/2016) T đến lấy nốt số tiền 55.000.000 đồng, Phạm Thị T ghi số tiền đã trả cho T vào mảnh giấy ghi lô đề ban đầu (bằng mực xanh có chữ ký của Phạm Thị T) rồi T cầm tiền và mảnh giấy đó về. Trên đường về, T đưa cho O cầm số tiền 68.200.000 đồng.

Sau khi nhận được tiền O chở T đến khu vực chân cầu Vượt gần quán cà phê Khánh gặp L, V, M1 và M2 đang chờ tại đây rồi tất cả cùng nhau đi về quán ăn Vương Chim tại xã Đ, thành phố T. Khi cả nhóm ngồi ăn tại bàn O đặt số tiền 68.200.000 đồng lên bàn và nói với cả nhóm: “hôm nay mới lấy được bằng này để mai lấy tiếp rồi chia luôn” thì L không đồng ý và bảo “làm được ngày nào chia luôn ngày đấy cho gọn, mai lấy được tiền tính sau”. O nói trả tiền góp đánh và chi phí đã bỏ ra cho mọi người, số tiền còn lại sẽ chia đều cho 6 người thì cả nhóm đều đồng ý. Do muốn công khai số tiền của từng người O bảo M2 đưa cho O tờ giấy, rồi lấy bút ghi để thống kê các chi phí. L đã cầm tiền để trả các khoản chi phí cho mọi người trong nhóm gồm: tiền góp đánh lô đề của V là 1.000.000 đồng, của L 5.000.000 đồng, của T 1.800.000 đồng; trả tiền thuê xe ô tô cho O 1.400.000 đồng. Sau khi trả xong chi phí O nói số tiền còn lại 59.000.000 đồng thì L nói chia đều số tiền trên. L nói tiếp

“bây giờ chia mỗi người 10.000.000 đồng thì thiếu, lại chưa có tiền ăn uống”, nghe vậy O nói chia đều cho mỗi người 9.000.000 đồng còn lại trả tiền ăn uống thì cả nhóm đồng ý. L đếm tiền đưa cho O 18.000.000 đồng bao gồm cả tiền của M2 (do O và M2 có quan hệ thân thiết với nhau nên O cầm luôn phần tiền của M2 được chia) đưa cho V 9.000.000 đồng, đưa cho T 9.000.000 đồng. Đối với phần tiền của M được chia vì là bạn bè thân thiết nên L nói L cầm luôn tiền của M1 thì M1 đồng ý. Tổng số tiền L và M1 được chia là 18.000.000 đồng. Số tiền còn lại 5.000.000 đồng cả nhóm thống nhất để L cầm trả tiền ăn uống, chi phí chung cho cả nhóm. Lúc này O nói T là người có công đi đánh nên bảo L, M1, V mỗi người cho T thêm 500.000 đồng thì cả ba đồng ý. L đưa cho T 1.000.000 đồng vì L cầm tiền của M1, V đưa cho T 500.000 đồng. O lấy mảnh giấy ghi các số lô, số đề Oanh đã tẩy xóa đưa cho T và bảo T cầm để mai đi đòi số tiền còn lại. Trong quá trình ăn uống cả nhóm thống nhất ngày 29/6/2016 sẽ gặp nhau để đến đòi nốt số tiền 55.000.000 đồng của Phạm Thị T và sau khi ăn uống sẽ đi hát Karaoke. Số tiền còn lại 5.000.000 do L giữ, L đã trừ chi phí tiền uống nước tại quán cà phê hết 500.000 đồng, trả tiền ăn tại quán Vương Chim hết 2.500.000 đồng, đưa cho O số tiền 2.000.000 đồng để trả tiền hát Lâm có việc bận nên không đi hát Karaoke. Còn lại O, T, V, M1 và M2 sau khi hát Karaoke thì ra về. O lái xe ô tô chở M2 về thành phố T và bỏ vào trong túi xách đưa cho M2 số tiền 2.700.000 đồng lấy từ số tiền 18.000.000 đồng mà O và M2 được chia.

Đến ngày 29/6/2016 L, T, V, M1, O gặp nhau tại quán cà phê Khánh để tìm cách lấy nốt số tiền 55.000.000 đồng của Phạm Thị T. V đã sử dụng xe mô tô của M1 để chở T đến nhà Phạm Thị T để đòi tiền nhưng lúc này do Phạm Thị T nghi ngờ việc T gian dối nên Phạm Thị T không trả tiền. Khi T đưa mảnh giấy mua lô đề ra thì bị Phạm Thị T giữ lại. Sau khi không lấy được tiền thì T, V quay về và gặp L, M1 ở công viên cây xanh. Lúc này O đã về thành phố TH, sợ sự việc bị bại lộ nên L đã điện thoại hỏi O thì O đã nói với L: Nếu sự việc bị Công an phát hiện mình sẽ có lý luận thì sẽ không xảy ra việc gì. L, M1, V cùng T tiếp tục quay lại nhà Phạm Thị T để hỗ trợ T đòi tiền nhưng do bà Phạm Thị T đóng cửa nên T, L, V, M1 về quán Tuyết Hải để ăn uống. Đến khoảng 15 giờ cùng ngày T, V, L, M1 tiếp tục quay lại nhà bà Phạm Thị T để hỗ trợ T đòi tiền. Cả nhóm tập trung ngồi tại quán nước ven đường đối diện nhà bà Phạm Thị T. Lúc này bà Phạm Thị T đang ngồi bán vé số trước cửa nhà. T đi sang nhà bà Phạm Thị T và đòi Phạm Thị T trả nốt số tiền 55.000.000 đồng nhưng bà Phạm Thị T không trả và nói với T là để kiểm tra lại mảnh giấy. Sau đó L cũng từ quán nước đi sang và nói với Phạm Thị T “người ta trúng thì bà phải trả tiền” nhưng

bà Phạm Thị T vẫn không trả. Sau đó giữa bà Phạm Thị T và T có xảy ra to tiếng với nhau gây mất an ninh trật tự. Lúc này Công an thành phố T đã áp đến lập biên bản sự việc, bà Phạm Thị T đã giao nộp cho Công an thành phố T mảnh giấy kẻ ô ly có ghi số lô, số đề đã lấy lại từ T trước đó. Sau khi sự việc xảy ra Phạm Thị T đã có đơn trình báo đến Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố T về việc bị lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

Cơ quan cảnh sát điều tra Công an thành phố T đã ra các Quyết định trưng cầu giám định số 43 ngày 12/7/2016; số 53 ngày 12/8/2016 và số 62 ngày 11/10/2016 để giám định chữ số, chữ viết của Đào Khả O với chữ viết, chữ số trên mảnh giấy kẻ ô ly đã thu giữ tại nhà Phạm Thị T. Kết quả:

Tại bản kết luận giám định số 26/GĐTL ngày 22/7/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình kết luận: Có dấu vết tẩy xóa, sửa chữa tại cột số thứ 3 từ trái sang phải tại dòng thứ 7 từ trên xuống trên tài liệu cần giám định ký hiệu A, số “224” được viết đè lên số “136” đã bị tẩy xóa mất màu mực, số nguyên thủy trước khi bị tẩy xóa là “136”; Chữ số “136” nguyên thủy tại cột số thứ 3 từ trái sang phải tại dòng thứ 7 từ trên xuống trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ số được viết bằng mực màu đen trên tài liệu cần giám định ký hiệu A (trừ các số “10” ở cột thứ 6 từ trái sang phải) là do cùng một người viết ra.

Tại bản kết luận giám định số 31/GĐTL ngày 18/8/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình kết luận: Chữ số “224” được viết đè lên số “136” tại cột thứ 3 từ trái sang phải tại dòng thứ 7 từ trên xuống trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết bằng mực màu đen trên tài liệu cần giám định ký hiệu A (trừ các số “10” ở cột thứ 6 từ trái sang phải) là do cùng một người viết ra.

Tại bản kết luận giám định số 44/GĐTL ngày 13/10/2016 của Phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Ninh Bình kết luận: Các chữ số, chữ viết được viết bằng mực màu đen trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ số, chữ viết của Đào Khả O trên tài liệu cần giám định ký hiệu A so với chữ viết, chữ số của Đào Khả O trên tài liệu mẫu so sánh ký hiệu từ M1 đến M4 là do cùng một người viết ra.

Tại bản án hình sự sơ thẩm số 31/2017/HSST ngày 01/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Ninh Bình đã quyết định:

Tuyên bố các bị cáo: Đào Khả O, Đào Thị Diệu T, Hà Thị L, Vì Văn V, Vũ Đức M1 và Nguyễn Thị Trà M2 phạm các tội “Đánh bạc” và “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Bị cáo Phạm Thị T phạm tội “Đánh bạc”.

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm a khoản 1 Điều 48; khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Vũ Đức M1 05 tháng tù, phạt bổ sung bị cáo Vũ Đức M1 3.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”. Áp dụng các điểm a, e khoản 2 Điều 139; điểm b khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Vũ Đức M1 33 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng Điều 50 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Vũ Đức M1 phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 38 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 22/3/2017; phạt bổ sung là 3.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm a khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Trà M2 03 tháng tù, phạt bổ sung bị cáo Nguyễn Thị Trà M2 3.000.000 đồng về tội “Đánh bạc”. Áp dụng các điểm a, e khoản 2 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Trà M2 24 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng Điều 50 Bộ luật Hình sự tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Thị Trà M2 phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 27 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án; phạt bổ sung là 3.000.000 đồng.

Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Phạm Thị T 03 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, phạt bổ sung bị cáo Phạm Thị T 5.000.000 đồng để sung quỹ Nhà nước.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn áp dụng hình phạt đối với các bị cáo khác không có kháng cáo, không bị kháng nghị; quyết định về trách nhiệm dân sự, xử lý vật chứng, án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm, quyền kháng cáo của các bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan theo quy định của pháp luật.

Ngày 04/12/2017 bị cáo Vũ Đức M1 có đơn kháng cáo với nội dung bản án sơ thẩm xét xử không đúng người, đúng tội bị kết án oan.

Ngày 08/12/2017 bị cáo Nguyễn Thị Trà M2 có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt trong tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và cho rằng bị kết án oan trong tội "đánh bạc".

Ngày 12/12/2017 bị cáo Phạm Thị T kháng cáo xin được hưởng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Ninh Bình tại phiên tòa sau khi phân tích đánh giá tính chất của vụ án, mức độ nguy hiểm cho xã hội do hành vi phạm tội mà các bị cáo đã gây ra và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của từng bị cáo đã đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ

luật tố tụng hình sự không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Vũ Đức M1, Nguyễn Thị Trà M2, Nguyễn Thị T; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị cáo Nguyễn Thị T nhận tội, xác định hành vi của mình là vi phạm pháp luật, Tòa án sơ thẩm xử phạt về tội "đánh bạc" là đúng. Bị cáo xin được cải tạo tại địa phương với lý do đã nhận thức được tội lỗi của mình nên đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, bản thân bị bệnh sức khỏe yếu, hoàn cảnh gia đình khó khăn, đang nuôi mẹ già 100 tuổi.

Bị cáo Nguyễn Thị Trà M2 xác nhận hành vi phạm tội của mình đúng như nội dung bản án sơ thẩm đã nêu, Tòa án cấp sơ thẩm xử phạt bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" là đúng. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét bị cáo không phạm tội "Đánh bạc" với lý do ngay từ ban đầu việc các bị cáo chuẩn bị phạm tội lừa đảo là dùng cách thức ghi số lô, đề sau đó có hành vi gian dối là tẩy xóa số lô, đề sửa số không trúng thưởng thành số trúng thưởng để lừa đảo chiếm đoạt tiền của bà Phạm Thị T chứ không có mục đích đánh lô, đề được thua bằng tiền. Tòa án sơ thẩm xử bị cáo về tội đánh bạc là không đúng vì một hành vi phạm tội không thể bị truy tố, xét xử về hai tội danh độc lập. Bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo trong tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" với lý do tham gia trong vụ án với vai trò giúp sức cho bị cáo O, đã nhận thức được tội lỗi của mình nên quá trình điều tra và tại phiên tòa đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, hoàn cảnh gia đình khó khăn đã ly hôn chồng đang nuôi con nhỏ, mẹ đẻ già yếu bệnh tật, bố đẻ là người có công với cách mạng được tặng huân, huy chương.

Bị cáo Vũ Đức M1 thừa nhận đã có mặt cùng các bị cáo khác trong vụ án trong tất cả các ngày từ 26/6 đến 29/6/2016. Tại quán cafe Suối ở thị xã B, Thanh Hóa ngày 26/6/2016, M1 có gọi điện thoại cho Đào Thị Diệu T vào nhưng không phải để rủ T tham gia phạm tội, tại đây M1 đã được O nhờ cầm tờ giấy đưa từ trước ra sau để hướng dẫn T cách làm và nói với T việc này cô làm được nhưng lý do O nhờ làm nhằm mục đích gì thì M1 không biết. M1 có mặt tại quán cafe Khánh ở thành phố T chiều ngày 28/6/2016, có mặt tại khu vực trước cửa nhà bà Phạm Thị T ngày 29/6/2016 cùng các bị cáo khác nhưng không có bất kỳ lời nói, hành động gì, không được nghe nội dung các bị cáo trao đổi nói chuyện với nhau, không cùng các bị cáo khác tham gia phạm tội. Ngày 28/6/2016 và 29/6/2016 các bị cáo Đào Thị Diệu T, Đào Khả O, Vì Văn V có sử dụng xe mô tô của M1 để đi nhưng bị cáo cũng không biết họ đi mua lô, đề và đi lấy tiền của bà Phạm Thị T. Bị cáo Vũ Đức M1 cho rằng mình bị kết tội oan. Qua phân tích của Hội đồng xét xử và giải thích của Luật sư bào

chữa cho bị cáo cuối giai đoạn xét hỏi bị cáo M1 đã nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật của mình và thừa nhận bản thân có tham gia cùng các bị cáo khác trong vụ án thực hiện hành vi vi phạm pháp luật như bản án sơ thẩm đã nêu là đúng nhưng bị cáo M1 đề nghị xem xét việc xét xử bị cáo phạm tội đánh bạc là không đúng vì bị cáo không góp tiền, không trực tiếp ghi lô đề của bà Phạm Thị T, không được ăn chia số tiền đánh bạc. Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do đã nhận thức được tội lỗi của mình, sau khi phạm tội đã ra đầu thú, tác động gia đình bồi thường số tiền đã được chiếm hưởng, hoàn cảnh gia đình hiện tại khó khăn, vai trò của bị cáo trong vụ án hạn chế hơn các bị cáo khác.

Người bào chữa cho bị cáo Vũ Đức M1 cho rằng bị cáo Vũ Đức M1 không phạm tội "Đánh bạc" vì việc mua lô đề là phương thức thực hiện hành vi lừa đảo chiếm đoạt tài sản, chỉ nhằm cho việc gian dối, không nhằm mục đích thắng thua. Đối với tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" việc truy tố tình tiết phạm tội có tổ chức là không đúng vì các bị cáo không có sự cấu kết chặt chẽ, không có sự bàn bạc, tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo đã nhận tội và thành khẩn khai báo, sau khi phạm tội đã ra đầu thú, tác động gia đình bồi thường số tiền đã được chiếm hưởng, hoàn cảnh gia đình hiện tại khó khăn, vai trò của bị cáo trong vụ án hạn chế. Luật sư đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo Mạnh.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử sơ thẩm, các bị cáo Đào Khả O, Vì Văn V, Hà Thị L, Đào Thị Diệu T, Nguyễn Thị Trà M2 đều khai nhận hành vi phạm tội của mình và đồng phạm về cơ bản phù hợp với nội dung bản án sơ thẩm đã nêu. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo Nguyễn Thị Trà M2 tiếp tục xác định hành vi phạm tội của mình và đồng phạm như bản án sơ thẩm đã nêu là đúng, không bổ sung gì. Lời khai của các bị cáo thống nhất và phù hợp với nhau, phù hợp với lời khai của người bị hại, những người làm chứng, vật chứng thu giữ, và các tài liệu chứng cứ khác đã đủ căn cứ kết luận: Ngày 26/6/2016 tại Quán cafe Suối ở thị xã B, tỉnh Thanh Hóa, Đào Khả O đã nói cho Hà Thị L, Vũ Đức M1, Vì Văn V và Nguyễn Thị Trà M2 biết O có khả năng “làm kỹ thuật ” tẩy xóa số đề không trúng thành số trúng trên tờ giấy có ghi số lô, số đề và để lại được tờ giấy (bảng đề) do O ghi sẵn nhiều số lô, số đề cho người bán lô, đề giữ khi có kết quả mở thưởng thì đến lấy lại tờ giấy đưa cho O “làm kỹ thuật” để có số trúng. Khi nghe O nói Hà Thị L và Vũ Đức M1 đã gọi điện thoại cho

Đào Thị Diệu T đến quán cà phê Suối. Tại đây sau khi được bị cáo O trao đổi kế hoạch thống nhất với nhau về thủ đoạn, cách thức mua số lô, số đề thông qua đó thực hiện việc tẩy xóa số nhằm chiếm đoạt tiền của người bán lô, đề. Trong đó O, T trực tiếp thực hiện việc mua lô đề, còn L, V cung cấp tiền và cùng M1, M2 giúp sức cho O, T trong việc thực hiện hành vi mua lô đề, tẩy xóa số lô đề. Ngày 28/6/2016, tại thôn T, xã Q, thành phố T, Đào khả O và Đào Thị Diệu T đã trực tiếp sử dụng số tiền 7.760.000 đồng mua số lô, số đề của Phạm Thị T như đã thống nhất với đồng phạm và trúng ba số lô được số tiền 3.200.000 đồng; tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc là **10.960.000 đồng** (mười triệu chín trăm sáu mươi nghìn đồng). Khi đi mua lô, đề của Phạm Thị T, bị cáo T không lấy cap lô đề mà để lại mảnh giấy ghi lô đề cho Phạm Thị T giữ, khi có kết quả xổ số kiến thiết Miền Bắc ngày 28/6/2016, T đến lấy lại mảnh giấy đưa cho O thực hiện hành vi tẩy xóa số “136” và ghi số trúng “224” trên mảnh giấy lô đề đã mua và cùng các bị cáo M, V có lời nói gian dối làm cho Phạm Thị T tin việc trúng số đề “224” là thật nhằm chiếm đoạt của Phạm Thị T số tiền 120.000.000 đồng và thực tế đã chiếm đoạt được số tiền 65.000.000 đồng (sáu mươi lăm triệu đồng). Trong suốt quá trình thực hiện tội phạm các bị cáo có sự bàn bạc, chuẩn bị kỹ lưỡng, phân công nhiệm vụ cụ thể của từng người, khi thực hiện tội phạm có sự phối hợp, cấu kết với nhau giữa các bị cáo rất chặt chẽ, nhịp nhàng, số tiền chiếm đoạt được do trúng số lô, đề và do sửa số lô đề chiếm đoạt của Phạm Thị T các bị cáo chia nhau và cùng nhau sử dụng hết là thuộc trường hợp "phạm tội có tổ chức". Bản án sơ thẩm căn cứ vào tổng số tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh lô đề **10.960.000 đồng** và số tiền các bị cáo thống nhất sửa số lô không trúng thành số trúng thưởng nhằm chiếm đoạt của Phạm Thị T số tiền 120 triệu đồng để xét xử các bị cáo Đào Khả O, Đào Thị Diệu T, Hà Thị L, Vũ Đức M1, Vi Văn V, Nguyễn Thị Trà M2 về các tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội "Đánh bạc" theo các điểm a, e khoản 2 Điều 139; khoản 1 Điều 248 Bộ luật Hình sự; bị cáo Phạm Thị T về tội "Đánh bạc" theo khoản 1 Điều 248 Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật không oan.

Việc bị cáo Nguyễn Thị Trà M2, Vũ Đức M1 và Luật sư bào chữa cho bị cáo M1 cho rằng Tòa án cấp sơ thẩm kết án các bị cáo về tội "Đánh bạc" là không có căn cứ chấp nhận.

Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo Nguyễn Thị Trà M2 đối với tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và bị cáo Phạm Thị T xin được hưởng án treo. Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận thấy: Bị cáo Nguyễn Thị Trà M2 cùng một lúc phạm hai tội là "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" và tội "Đánh bạc", bị cáo M2 tham gia trong vụ án

với vai trò đồng phạm giúp sức rất tích cực trong suốt quá trình thực hiện tội phạm. Theo sự phân công của Đào Khả O thì bị cáo Nguyễn Thị Trà M2 đã gọi điện liên tục cho Đào Thị Diệu T để giúp cho T thực hiện hành vi mua lô đề, để lại bảng lô đề cho bà Phạm Thị T và để O có thời gian tẩy xóa số không trùng thưởng và ghi số trùng thưởng để đánh lừa bà Phạm Thị T, đọc các số lô đề đã mua qua điện thoại để đối chiếu với bà Phạm Thị T để bà Phạm Thị T tin việc M2 và đồng phạm đánh lô đề và trúng số đề “224” là thật, giúp cho T lấy được tiền của bà Phạm Thị T, cùng với L, M1, V đến gần nhà bà Phạm Thị T nhằm hỗ trợ O và T thực hiện hành vi phạm tội. Bản án sơ thẩm đã xem xét đánh giá đúng vai trò của bị cáo trong vụ án, áp dụng đầy đủ các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như bị cáo là người có nhân thân tốt, không có tiền án tiền sự, số tiền được chiếm hưởng không lớn; thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã tự nguyện nộp số tiền đã chiếm hưởng, hoàn cảnh gia đình khó khăn, là lao động duy nhất trong gia đình, có bố đẻ được tặng thưởng huân huy chương để xử phạt bị cáo 24 tháng tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" là mức thấp nhất của khung hình phạt bị cáo bị truy tố là phù hợp, không nặng. Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào mới vì vậy yêu cầu kháng cáo của bị cáo không được chấp nhận nên giữ nguyên quyết định của bản án sơ thẩm đối với bị cáo M2.

Đối với bị cáo Phạm Thị T lợi dụng việc làm đại lý xổ số cho Công ty xổ số kiến thiết tỉnh Ninh Bình, chiều ngày 28/6/2016 Phạm Thị T đã đánh bạc dưới hình thức bán nhiều số lô, số đề cho Đào Thị Diệu T trái với quy định của pháp luật nhằm thu lợi cho cá nhân. Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, tự nguyện nộp lại số tiền đánh bạc 7.560.000 đồng. Bản án sơ thẩm đã áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại các điểm h, p khoản 1 và khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo 3 tháng tù. Trong thời gian vụ án này đang giải quyết bị cáo Phạm Thị T lại tiếp tục bán lô, đề trái phép bị công an thành phố T, tỉnh Ninh Bình khởi tố về tội "Đánh bạc" (Quyết định khởi bị tố bị can số 40/QĐ-CQCSĐT ngày 11/9/2017) thể hiện bị cáo là người coi thường pháp luật, không biết ăn năn hối cải việc cách ly bị cáo với xã hội một thời gian để giáo dục cải tạo là cần thiết vừa nhằm trừng trị giáo dục riêng và răn đe phòng ngừa chung cho xã hội vì vậy yêu cầu kháng cáo xin cải tạo tại địa phương của bị cáo Phạm Thị T không được chấp nhận.

Đối Với bị cáo Vũ Đức M1 kháng cáo cho rằng mình bị kết án oan cả hai tội. Qua phân tích của Hội đồng xét xử và giải thích của Luật sư bào chữa cho bị cáo bị

cáo M1 đã nhận thức được hành vi vi phạm pháp luật của mình và thừa nhận bản thân có tham gia cùng các bị cáo khác trong vụ án thực hiện hành vi vi phạm pháp luật như bản án sơ thẩm đã nêu và bị Tòa án sơ thẩm xử phạt về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" là đúng. Bị cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do đã nhận thức được tội lỗi của mình, sau khi phạm tội đã ra đầu thú, tác động gia đình bồi thường số tiền đã được chiếm hưởng, hoàn cảnh gia đình hiện tại khó khăn, vai trò của bị cáo trong vụ án hạn chế. Hội Đồng xét xử phúc thẩm xét thấy trong vụ án này, sau khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo Vũ Đức M đã ra đầu thú, trong quá trình giải quyết vụ án, bị cáo đã tác động đến gia đình bồi thường cho người bị hại số tiền 2.000.000 đồng, Bản án sơ thẩm đã áp dụng tình tiết giảm nhẹ theo khoản 2 Điều 46 của Bộ luật Hình sự đối với cả hai tội và áp dụng thêm điểm b khoản 1 Điều 46 của Bộ luật Hình sự đối với tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản là đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm Vũ Đức M đã phần nào nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật, thành khẩn khai nhận hành vi cùng đồng phạm chiếm đoạt tài sản của Phạm Thị T thông qua việc mua bán lô, đề nên được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự theo quy định tại điểm p khoản 1 Điều 46 của Bộ luật hình sự cho tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới ở cấp phúc thẩm cần áp dụng cho bị cáo để giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt đối với tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Về án phí Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Do yêu cầu kháng cáo không được chấp nhận Các bị cáo Nguyễn Thị Trà M2, Phạm Thị T mỗi người phải chịu án 200.000 đồng phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Vũ Đức M1 được chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo nên không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 355; Điều 356; điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự.

1.1 Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Thị Trà M2, Phạm Thị T giữ nguyên bản án hình sự sơ thẩm số 31/2017/HSST ngày 01/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Ninh Bình.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm a khoản 1 Điều 48; điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999, xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Trà M2 03 (Ba) tháng tù, phạt bổ sung 3.000.000 (Ba triệu) đồng về tội “Đánh bạc”. Áp dụng các điểm a, e khoản 2 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Trà M2 24 (Hai mươi bốn) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 1999 tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Nguyễn Thị Trà M2 phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 27 (Hai mươi bảy) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án; phạt bổ sung là 3.000.000 (Ba triệu) đồng sung quỹ nhà nước.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo Phạm Thị T 03 (Ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt bị cáo đi thi hành án, phạt bổ sung 5.000.000 (Năm triệu) đồng để sung quỹ Nhà nước.

1.2 Chấp nhận một phần kháng cáo của bị cáo Vũ Đức M1 sửa bản án hình sự sơ thẩm số 31/2017/HSST ngày 01/12/2017 của Tòa án nhân dân thành phố T, tỉnh Ninh Bình về phần quyết định hình phạt đối với bị cáo Vũ Đức M1.

- Áp dụng khoản 1, khoản 3 Điều 248; điểm a khoản 1 Điều 48; khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo Vũ Đức M1 05 (Năm) tháng tù, phạt bổ sung 3.000.000 (Ba triệu) đồng về tội “Đánh bạc”. Áp dụng các điểm a, e khoản 2 Điều 139; điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 xử phạt bị cáo Vũ Đức M1 30 (Ba mươi) tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản”. Áp dụng Điều 50 Bộ luật Hình sự năm 1999 tổng hợp hình phạt buộc bị cáo Vũ Đức M1 phải chấp hành hình phạt chung của cả hai tội là 35 (Ba mươi lăm) tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày tạm giữ 22/3/2017; phạt bổ sung là 3.000.000 (Ba triệu) đồng sung quỹ nhà nước.

2. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

3. Án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án. Các bị cáo Nguyễn Thị Trà M2, Phạm Thị T mỗi người phải chịu án 200.000 (Hai trăm nghìn) đồng phí hình sự phúc thẩm. Bị cáo Vũ Đức M1 không phải nộp án phí hình sự phúc thẩm.

4. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án 26/01/2018./.

Nơi nhận:

- TAND Tối cao (1 bản)
- VKSND tỉnh Ninh Bình (3 bản)
- Phòng KTNV-THA (2 bản)
- TAND TP T (5 bản)
- VKSND TP T (1 bản)
- CA TP T (1 bản)
- Chi cục THADS TP T (1 bản)
- Phòng HS&NV Công an tỉnh (1 bản)
- Bị cáo (3 bản)
- Bị hại (1 bản)
- Luật sư (1 bản)
- Trại tạm giam (3 bản)
- Sở Tư pháp (1 bản)
- Lưu hồ sơ (2 bản)
- Lưu tòa (1 bản)
- Lưu HCTP (1 bản)

(Thông báo cho chính quyền
địa phương nơi bị cáo cư trú)

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Mai Xuân Thành

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Tô Văn Thịnh

Nguyễn Thị Thắm

Mai Xuân Thành

